

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116/2022/DS-ST**  
Ngày 13/12/2022  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Đức;

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Chị NĐ**, sinh năm 2000;

Địa chỉ: tổ , ấp VH, xã VN, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của NĐ: Ông U, sinh năm 1949; Địa chỉ: tổ , ấp V, xã VN, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (theo giấy uỷ quyền ngày 25/8/2022). (có mặt).

**\* Bị đơn:**

**- Bà BĐ1**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp T, xã VP, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của BĐ1: Anh BĐ2, sinh năm 1997; Địa

chỉ: ấp T, xã VP, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, theo giấy ủy quyền ngày 11/12/2022. (xin vắng mặt)

- Anh **BĐ2**, sinh năm 1997;

HKTT: ấp T, xã VP, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: số , đường B, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (xin vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị NĐ ủy quyền cho ông U trình bày như sau:*

Do có quan hệ bà con, NĐ có cho BĐ1 và BĐ2 vay số tiền là 100.000.000đồng, có ghi biên nhận. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng nhưng trong biên nhận không ghi rõ số tiền lãi cụ thể chỉ ghi đóng lãi hàng tháng đầy đủ, thời hạn trả tiền là 12 tháng. Sau khi vay, BĐ1 và BĐ2 có trả cho NĐ được 4.000.000đồng tiền lãi thì ngưng tới nay và số tiền vốn chưa trả. Nay NĐ yêu cầu bị đơn bà BĐ1 và anh BĐ2 phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) và tính lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 31/5/2021 đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của NĐ là ông U trình bày: khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 10%/ năm và đồng ý khấu trừ số tiền lãi 4.000.000đồng đã nhận.

\* Bị đơn bà BĐ1 ủy quyền cho anh BĐ2 trình bày tại tờ tự khai ngày 11/12/2022 như sau: Anh và BĐ1 thừa nhận có nợ NĐ 100.000.000đồng và đồng ý liên đới trách nhiệm trả số tiền nợ 100.000.000đồng và lãi suất 10%/năm vì hai bên thỏa thuận lãi suất là 10%/năm. Vì lý do bận công việc không thể đến tham gia phiên tòa nên anh và BĐ1 xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 13/12/2022.

\* Bị đơn anh BĐ2 trình bày tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2022 như sau: Ngày 31/5/2021, anh và mẹ anh là BĐ1 có vay của chị NĐ số tiền 100.000.000đồng, có ghi biên nhận. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/năm nhưng không ghi rõ trong biên nhận, thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi vay, anh và BĐ1 có trả được 4.000.000đồng tiền lãi, hiện nay còn nợ số tiền vốn 100.000.000 đồng. Qua yêu cầu khởi kiện của NĐ, anh đồng ý cùng BĐ1 trả cho NĐ số tiền 100.000.000đồng và lãi suất theo quy định nhưng xin được trả dần 3.000.000đồng/ tháng.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn BĐ2 đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn BĐ1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 BLDS 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị NĐ. Buộc bà BĐ1 trả cho chị NĐ số tiền 100.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 31/5/2021 đến ngày xét xử (có khấu trừ 4.000.000đồng đã nhận trước đó).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: NĐ yêu cầu BĐ1 và BĐ2 trả số tiền nợ vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: BĐ1 và BĐ2 đang cư trú tại ấp Trung Phú 4, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà BĐ1 và anh BĐ2 (là bị đơn trong vụ án) xin vắng mặt tại phiên tòa thể hiện tại tờ tự khai ngày 11/12/2022 nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt BĐ1 và BĐ2.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của NĐ, HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào biên nhận ngày 31/5/2021 do NĐ cung cấp thể hiện số tiền BĐ1 và BĐ2 vay của NĐ là 100.000.000đồng. Phía dưới biên nhận nợ có chữ ký của BĐ1, BĐ2 và BĐ1, BĐ2 cũng thừa nhận có vay số tiền 100.000.000đồng theo biên nhận này. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận BĐ1, BĐ2 có vay của NĐ số tiền 100.000.000đồng theo biên nhận ngày 31/5/2021.

Theo NĐ trình bày, sau khi vay tiền, BĐ1 và BĐ2 chưa trả số tiền vay trên. Do đó, NĐ yêu cầu BĐ1 và BĐ2 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền 100.000.000đồng. BĐ1 và BĐ2 không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của NĐ là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Ông Uông là người đại diện theo ủy quyền của NĐ và bị đơn BĐ2 thống nhất trình bày khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/năm, việc thỏa thuận mức lãi suất này là phù hợp theo quy định của pháp luật. Nay NĐ có yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, thời hạn tính lãi suất từ khi viết biên nhận nợ ngày 31/5/2021 đến ngày xét xử 13/12/2022 là 1 năm 6 tháng 12 ngày, cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

$100.000.000\text{đồng} \times 0,833\%/tháng \times 1\text{ năm } 6\text{ tháng } 12\text{ ngày} = 15.329.000\text{đồng}$  (đã làm tròn).

Khấu trừ số tiền lãi 4.000.000 đồng mà NĐ đã nhận nên số tiền lãi BĐ1 và BĐ2 còn phải trả là 11.329.000đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi BĐ1 và BĐ2 phải trả là: 100.000.000đồng + 11.329.000đồng= 111.329.000đồng (một trăm mười một triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên BĐ1 và BĐ2 phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**\* Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị NĐ:

Buộc bà BĐ1 và anh BĐ2 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị NĐ số tiền tổng cộng là 111.329.000đồng (một trăm mười một triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng). Trong đó, số tiền vốn vay là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 11.329.000đồng (mười một triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho chị NĐ số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009409 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thoại Sơn.

- Bà BĐ1 và anh BĐ2 phải chịu 5.566.000đồng (năm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

NĐ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. BĐ1 và BĐ2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Vân**